

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CP
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2023/DS-ST
Ngày: 19 - 4 - 2023
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Văn Hiến;

Bà Trương Thị Thu Thủy.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 303/2022/TLST – DS ngày 23 tháng 12 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Phạm Thị Tuyết H sinh năm 1992

Địa chỉ: Tổ 15, ấp Bờ D, xã TMT, huyện CP, tỉnh An Giang

- Bị đơn: Bà Trần Thị M, sinh năm 1981;

Ông Cao Hồng Ph, sinh năm 1979

Cùng trú tại: Tổ 27, ấp Bờ D, xã TMT, huyện CP, tỉnh An Giang.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/10/2022 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Phạm Thị Tuyết H trình bày: Ngày 17/02/2020 có cho bà M, ông Ph vay số tiền 50.000.000đ, có làm biên nhận vay, lãi suất 1,6%/tháng, thời hạn 12 tháng, từ khi vay đến nay bị đơn không trả lãi, vốn. Khi vay bà M nói vay để lo chi tiêu trong gia đình, khi đó bà M bán cơm sáng, ông Ph cho thuê âm thanh. Nay bà H yêu cầu bà M, ông Ph liên đới trả số tiền vay 50.000.000đ, yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 18/02/2020 đến khi giải quyết xong vụ án.

Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là biên Hợp đồng vay tài sản đề ngày 07/02/2020 (phô tô đã được Toà án đối chiếu bản chính).

- Bị đơn bà Trần Thị M trình bày: Bà M không có vay tiền của bà H. Bà thừa nhận chữ ký trong Hợp đồng vay tài sản đề ngày 17/02/2020 của bà H cung cấp là do bà M ký, tuy nhiên khi ký Hợp đồng này bà H nói ký để anh của bà H cho bà M vay tiền vì bà M có thiếu tiền đánh số đề của bà H nên tính vay tiền của anh của bà H để trả tiền số cho bà H, khi bà H đưa giấy thì bà M có ký nhưng không đọc nội dung do đang bán lu bu, sau đó bà M kêu bà H cho số điện thoại anh của H để hỏi lãi suất vay như thế nào nhưng bà H không cho và im luôn đến nay. Sau đó nhiều lần bà H có đến gặp bà M đòi tiền nhưng là tiền số là 27.000.000đ chỉ nói miệng với nhau không có giấy tờ chứng minh, khi đó bà M xin trả mỗi tháng 500.000đ, chưa trả được lần nào thì bà M bị bế nợ đi mới về khoảng tháng nay. Nay bà M chỉ thừa nhận còn thiếu tiền số đề của bà H số tiền 27.000.000đ từ năm 2020, bà M đang thiếu nợ nhiều người nên xin trả mỗi tháng 300.000đ, nợ này cH bà M không biết. Còn số tiền vay 50.000.000đ bà M không đồng ý vì chỉ có ký biên nhận nhưng không có nhận tiền vay của bà H hay anh của bà H.

Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho trình bày của bị đơn: Không có.

- Bị đơn ông Cao H Ph trình bày: Ông Ph không biết việc nợ giữa vợ ông và bà H, ông Ph thường xuyên đi làm đến tối mới về, khi vợ bế nợ đi, bà H đến đòi nợ thì mới biết vợ thiếu nợ của bà H mà không biết nợ gì bao nhiêu, ông Ph có nói với bà H để vợ ông về giải quyết trả chứ ông không biết nợ này. Ông Ph và vợ ông chung sống nhưng làm ăn riêng, chỉ phụ vợ bán cơm sáng, ông đi làm cho thuê âm thanh có tiền riêng đưa cho vợ phần nào nuôi con. Còn vợ vay nợ gì của ai ông không biết nên ông Ph đồng ý liên đới trả nợ này cho bà H.

Do có mâu thuẫn trong lời khai của các đương sự, Toà án đã tiến hành đối chất giữa các đương sự nhưng vẫn không thống nhất được ý kiến.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn yêu cầu ông Ph, bà M liên đới trả nợ vay 50.000.000đ, xin rút lại yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn bà M, ông Ph không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn, chỉ đồng ý liên đới trả nợ 27.000.000đ.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị M phải trả cho bà Phạm Thị Tuyết H số tiền vốn vay 50.000.000đ, không chấp nhận yêu cầu liên đới trả nợ đối với ông Cao H Ph. Về lãi suất, đề nghị đình chỉ yêu cầu tính lãi của nguyên đơn do rút yêu cầu tính lãi.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị tính theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Phạm Thị Tuyết H yêu cầu bà Trần Thị M, ông Cao H Ph trả số tiền vốn vay 50.000.000đ. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” được quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị M, ông Cao H Ph có hộ khẩu thường trú tại xã TMT, huyện CP, tỉnh An Giang. Bà H khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hợp đồng vay tài sản:

Quá trình giải quyết vụ án bà H trình bày ngày 17/02/2020 có cho bà M, ông Ph vay số tiền 50.000.000đ để làm vốn làm ăn trong gia đình, khi vay có làm biên

nhận nợ do bà M ký tên, lãi suất 1,6%/tháng, thời hạn vay thoả thuận 12 tháng trả. Sau khi vay đến nay bị đơn không trả vốn lãi, nay yêu cầu bị đơn trả vốn 50.000.000đ. Bị đơn bà M cho rằng bà M có thiếu bà H số tiền 27.000.000đ nhưng là tiền đánh số đề, xin trả dần mỗi tháng 300.000đ. Xét, việc vay giữa bà H và bà M là trên thực tế có xảy ra thể hiện tại biên nhận ngày 17/02/2020 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, tuy là bà M không thừa nhận là có vay nợ và cho rằng bà ký tên biên nhận là để vay tiền anh của bà H nhưng chưa nhận tiền vay, lời khai nại của bà M không có chứng cứ chứng minh và không được bà H công nhận. Do đó, Hội đồng xét xử xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất: Tại phiên toà, bà H xin rút lại yêu cầu tính lãi suất. Xét, đây là sự tự nguyện của đương sự không trái với quy định của pháp luật nên căn cứ Điều 224 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

[2.3] Về nghĩa vụ liên đới của các bị đơn

Bà H yêu cầu ông Cao H Ph liên đới với bà Trần Thị M trả nợ vay vì nợ này bà M vay để làm ăn lo trong gia đình, bà M chỉ thừa nhận có nợ bà H 27.000.000đ tiền đánh số đề không phải tiền vay. Ông Ph không thừa nhận nợ vay, không biết việc bà H cho bà M vay tiền và bà H cũng không có chứng cứ chứng minh việc cho bà M vay mà ông Ph biết nên không có cơ sở xem xét.

[3] Về án phí: Bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả cho bà H tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26; Điều 144; Điều 147; Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 468 Điều 470, của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Tuyết H.

Buộc bà Trần Thị M có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Tuyết H số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu liên đới trả nợ vay đối với ông Cao Hồng Ph.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Tuyết H về yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí:

- Bà Trần Thị M phải chịu 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Phạm Thị Tuyết H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà H 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005114 ngày 21/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

- Ông Cao Hồng Ph không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAT An Giang;
- THA huyện CP;
- VKSND huyện CP;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Mỹ